BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN TỶ LỆ AN TOÀN VỐN 31 THÁNG 12 NĂM 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch: Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)
- Vốn điều lệ: 5.399,6 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-024) - 39 333 636.
- Số Fax: (84-024) - 39 336 428.
- Website: www.vietabank.com.vn

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn.

Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Ngân hàng có công ty con phải duy trì tuân thủ yêu cầu về việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ và hợp nhất.

Tại thời điểm 31/12/2023, VAB có 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản VAB (viết tắt là AMC) và không có công ty con thuộc loại hình doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm.

2. Cơ cấu vốn tự có.

Thành phần chính vốn tự có của VAB bao gồm:

Vốn cấp 1:

- Vốn điều lệ;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính;
- Lợi nhuận chưa phân phối….

Vốn cấp 2:

- Các quỹ được trích từ lợi nhuận sau thuế;
- 80% dự phòng chung theo quy định NHNN;
- Các khoản nợ thứ cấp…

Bảng 1 – Báo cáo Vốn tự có

Vốn tự có Riêng lẻ/Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	31/12/2023	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Vốn Cấp 1	7.970.176	7.997.080
Vốn Cấp 2	657.345	657.345
Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có	57.272	54.600
VỐN TỰ CÓ	**8.570.249**	**8.599.825**

3. Tỷ lệ an toàn vốn.

a. Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn.

VAB đã xây dựng Quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn tuân thủ theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2026 của NHNN. Bên cạnh đó, VAB đã ban hành quy định quản lý tỷ lệ an toàn vốn, trong đó quy định chi tiết trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên quan trong việc nhập, tính toán, rà soát và báo cáo về tỷ lệ an toàn vốn, cũng như xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn.

b. Kế hoạch vốn.

Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, VAB chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn.

Bảng 2 - Báo cáo Tỷ lệ an toàn vốn

Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị tính: Triệu VND,%

Khoản mục	31/12/2023	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
1. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	89.285.804	89.106.056
1.1. Rủi ro tín dụng	89.254.058	89.074.311
1.2 Rủi ro tín dụng đối tác	31.746	31.746
2. Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	291.993	303.394
3. Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	5.610	5.610
4.Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1	**8,57%**	**8,60%**
5.Tỷ lệ an toàn vốn	**9,21%**	**9,25%**

4. Rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng (RRTD) là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng vốn của VAB. Nhằm quản lý và giảm thiểu RRTD, trong những năm gần đây, VAB đã tập trung rà soát để kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới khung chính sách quản trị RRTD, đảm bảo kiểm soát, ngăn ngừa hạn chế rủi ro trong từng nghiệp vụ của hoạt động cấp tín dụng và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN.

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng.

Tính đến nay, VAB đã xây dựng và ban hành đầy đủ các quy định nội bộ đối với hoạt động cấp tín dụng, xử lý nợ xấu, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. Các văn bản nội bộ của VAB được xây dựng và ban hành căn cứ trên cơ sở các quy định cụ thể của Luật Các tổ chức tín

dụng, Thông tư của NHNN, đảm bảo phù hợp với tình hình hoạt động của VAB và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2023, VAB tiếp tục thực hiện chiến lược quản lý RRTD theo hướng thận trọng, tuân thủ theo giới hạn các chỉ tiêu khẩu vị rủi ro tín dụng của VAB và quy định của NHNN cũng như quy định của pháp luật. Nguyên tắc quản lý RRTD trong năm 2023 theo hướng thận trọng khi cấp tín dụng cho các hoạt động: cấp tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản, chứng khoán; nhận tài sản bảo đảm là bất động sản, chứng khoán, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp nhằm phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh từ các diễn biến bất ổn trên thị trường bất động sản, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, nhận diện, theo dõi, đánh giá và kịp thời báo cáo, đề xuất các biện pháp xử lý nhằm hạn chế rủi ro đối với các loại giao dịch, sản phẩm, dịch vụ tín dụng.

Chính sách quản lý RRTD đã nêu các bước thực hiện quản lý RRTD cơ bản gồm: nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát và báo cáo RRTD.

a. Nhận dạng: Nhận dạng đầy đủ RRTD, nguy cơ gây ra rủi ro và xác định nguyên nhân phát sinh rủi ro.
b. Đo lường: Đo lường kịp thời và chính xác mức độ rủi ro bằng các phương pháp, mô hình (bao gồm cả hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ) trên cơ sở xác định tác động ngắn hạn, dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, tỷ lệ an toàn và khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của VAB.
c. Theo dõi: Thường xuyên theo dõi trạng thái rủi ro và đánh giá kịp thời, cảnh báo sớm khả năng vi phạm các hạn mức rủi ro, hạn chế để đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng.
d. Kiểm soát: Kiểm soát trạng thái RRTD thực tế nhằm tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, hạn mức RRTD theo quy định của pháp luật, của NHNN và quy định của VAB. Có các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời các rủi ro để đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro, các hạn chế nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này.
e. Báo cáo: Thực hiện báo cáo thông tin kịp thời, đầy đủ về trạng thái RRTD, về hiệu quả các biện pháp kiểm soát RRTD cho cấp có thẩm quyền và các bên có liên quan theo quy định của VAB để có quyết định phù hợp, hạn chế RRTD và nâng cao hiệu quả công tác quản lý RRTD tại VAB.

Năm 2023, VAB đã xây dựng 26 văn bản quy định nội bộ liên quan đến hoạt động tín dụng nhằm đảm bảo phù hợp và tuân thủ các quy định về cho vay đối với khách hàng tại Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 & Thông tư 10/2023/TT-NHNN ngày 23/8/2023; các quy định về bảo lãnh tại Thông tư 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022; quy định hoạt động mua, bán nợ tại Thông tư 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022; quy định Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn tại Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023; quy định Quản lý rủi ro về môi trường tại Thông tư 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022. Điển hình:

- VAB đã ban hành các văn bản chính sách và tổ chức thực hiện để triển khai truyền thông, tập huấn thực hiện theo quy định tại các văn bản chính sách theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.
- VAB đã xây dựng quy định nội bộ quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng (Quyết định số 1408/2023/QĐ-TGĐ ngày 18/5/2023) và tổ chức các buổi hội thảo nhằm truyền thông quy định về kiểm soát rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo quy định của NHNN tại Thông tư 17/2022/TT-NHNN đến các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.
- VAB thực hiện rà soát và xây dựng hoàn thiện các chính sách tín dụng bao gồm quy chế, quy định, quy trình, các quyết định về chính sách tín dụng nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, như: Quy chế Cho vay đối với khách hàng tại VAB (Quyết định số 181/2023/QĐ-HĐQT ngày 30/8/2023); Quy chế Khẩu vị rủi ro tại VAB (Quyết định số 185/2023/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2023); Quy trình Cấp tín dụng tại VAB (Quyết định số 2565/2023/QT-TGĐ ngày 30/8/2023); Quy định về nghiệp vụ kiểm soát giải ngân, phát hành bảo lãnh, mở thư tín dụng và các điều kiện theo phê duyệt tín dụng tại VAB (Quyết định số 2566/2023/QĐ-TGĐ ngày 31/8/2023); Quy định sửa đổi, bổ sung quy định Kiểm soát sau cấp tín dụng tại VAB ban hành kèm theo Quyết định số 3604/2021/QĐ-TGĐ ngày 16/12/2021 (Quyết định số 2557/2023/QĐ-TGĐ ngày 30/8/2023); v.v.
- VAB đồng thời đã tổ chức các buổi hội thảo nhằm truyền thông quy định mới về hoạt động cho vay theo quy định của NHNN tại Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 đến các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.
- Nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh liên quan hoạt động tín dụng, VAB đã xây dựng tài liệu và tổ chức triển khai các khóa đào tạo về kiểm soát RRTD cho toàn thể cán bộ nhân viên tác nghiệp tín dụng trên toàn hệ thống VAB.

Bảng 3 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo kết quả Xếp hạng tín nhiệm

Báo cáo tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo xếp hạng tín dụng

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Kỳ hạn gốc	Kết quả xếp hạng	Trọng số rủi ro	31/12/2023	
			Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu từ 03 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	0	0
	A+ đến BBB-	50%	0	0
	BB+ đến BB-	80%	0	0
	B+ đến B-	100%	105.619	105.619
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	421.247	421.247

Kỳ hạn gốc	Kết quả xếp hạng	Trọng số rủi ro	31/12/2023	
			Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
TCTD trong nước: Các khoản phải đòi có kỳ hạn ban đầu dưới 03 tháng	AAA đến AA-	10%	0	0
	A+ đến BBB-	20%	0	0
	BB+ đến BB-	40%	159.026	159.026
	B+ đến B-	50%	372.808	372.808
	Dưới B- và không có xếp hạng	70%	252.059	252.059
Chính phủ, NHTW các nước	AAA đến AA-	0%	0	0
	A+ đến BBB-	20%	0	0
	BB+ đến BB-	50%	0	0
	B+ đến B-	100%	0	0
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	0	0
Tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm cả tổ chức tín dụng nước ngoài)	Dưới B- và không có xếp hạng	20%	0	0
	A+ đến BBB-	50%	499	499
	BB+ đến BB-	100%	0	0
	Dưới B- và không có xếp hạng	150%	3.474	3.474

Bảng 4 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo đối tượng tại điều 9, TT41

Tổng tài sản có tính theo rủi ro tín dụng

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Tài sản là khoản phải đòi	31/12/2023	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
Tiền mặt, vàng và các khoản tương đương tiền mặt	**0**	**0**
Khoản phải đòi chính phủ	**0**	**0**
Chính phủ Việt Nam	0	0
VAMC/DATC	0	0
Chính phủ Nước Ngoài	0	0
Khoản phải đòi định chế tài chính	**9.194.154**	**9.194.154**
Tổ chức tài chính quốc tế	0	0
Tổ chức tài chính nước ngoài	49.664	49.664
Tổ chức tài chính trong nước	9.144.490	9.144.490
Khoản phải đòi doanh nghiệp	**48.854.820**	**48.854.820**
Doanh nghiệp thông thường	38.118.513	38.118.513
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	10.736.307	10.736.307
Khoản phải đòi bán lẻ	**170.652**	**170.652**
Khoản phải đòi thế chấp BĐS	**25.160.834**	**25.160.834**
BĐS kinh doanh	24.687.514	24.687.514

Tài sản là khoản phải đòi	31/12/2023	
	Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
BĐS không kinh doanh	471.513	471.513
Thế chấp nhà	1.806	1.806
Các khoản phải đòi khác theo TT41	**2.293.321**	**1.547.329**
Kinh doanh chứng khoán	788.007	42.015
Cho vay chuyên biệt	1.505.314	1.505.314
Kinh doanh BĐS	0	0
Mua bán khoản phải thu	0	0
Mua bán nợ xấu	0	0
Cho thuê tài chính	0	0
Nợ xấu	**1.264.123**	**1.264.123**
Tài sản khác	**2.316.156**	**2.882.400**
Tổng	**89.254.058**	**89.074.311**

Bảng 5 – Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng đối tác

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	31/12/2023	
	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh		
Giao dịch repo và giao dịch reverse repo	0	0
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	31.746	31.746
Giao dịch mua bán ngoại tệ. tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng. đối tác quy định tại mục d khoản 32 Điều 2 Thông tư 41		
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	**31.746**	**31.746**

Bảng 6 – Báo cáo tài sản tính theo rủi ro RWA theo ngành nghề kinh doanh

Báo cáo tài sản tính tính theo rủi ro RWA theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	31/12/2023	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	2.534.105	2.534.105
2	Khai khoáng	750.861	750.861
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	660.817	661.825
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	1.795.583	1.795.583
5	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.	3.915	3.915

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	31/12/2023	
		Vốn yêu cầu riêng lẻ	Vốn yêu cầu hợp nhất
6	Xây dựng	12.362.486	12.362.486
7	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	1.287.322	1.287.322
8	Vận tải kho bãi	1.220.293	1.220.293
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	39.375	39.375
10	Thông tin và truyền thông	1.841	1,841
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	9.196.456	9,199,456
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.521.805	4,521,805
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	515	515
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	381	381
15	Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị – xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	0	0
16	Giáo dục và đào tạo	143	143
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.445	2,445
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	75.255	75,255
19	Hoạt động dịch vụ khác	51.807.640	51,057,640
20	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	842.494	842,494
21	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	0	0
Tổng cộng		**87,103,732**	**86.357.740**

Bảng 7 – Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Riêng lẻ)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (31/12/2023)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi chính phủ	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi định chế tài chính	16.434.154	0	13.530.119	0	0	9.194.154

Khoản mục	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (31/12/2023)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Khoản phải đòi doanh nghiệp	49.011.738	164.606	79	0	0	48.854.820
Khoản phải đòi bán lẻ	396.904	592.574	402.520	0	0	170.652
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	25.161.636	2.432	0	0	0	25.160.834
Khoản cho vay chuyên biệt	2.293.321	0	0	0	0	2.293.321
Nợ xấu	1.262.974	300	0	0	0	1.264.123
Tài sản khác	3.799.159	214.339	1.382.646	0	0	2.316.156
Tổng cộng	**98.359.886**	**974.251**	**15.315.364**	**0**	**0**	**89.254.058**

Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục/ Items	Tài sản có rủi ro trước giảm thiểu	Biện pháp giảm thiểu (31/12/2023)				
		Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ ba	Sản phẩm phái sinh tín dụng	Tài sản có rủi ro sau giảm thiểu
Tiền mặt, vàng, các khoản tương đương	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi chính phủ	0	0	0	0	0	0
Khoản phải đòi định chế tài chính	16.434.154	0	13.530.119	0	0	9.194.154
Khoản phải đòi doanh nghiệp	49.011.738	164.606	79	0	0	48.854.820
Khoản phải đòi bán lẻ	396.904	592.574	402.520	0	0	170.652
Khoản phải đòi đảm bảo bằng BĐS	25.161.636	2.432	0	0	0	25.160.834
Khoản cho vay chuyên biệt	1.547.329	0	0	0	0	1.547.329
Nợ xấu	1.262.974	300	0	0	0	1.264.123
Tài sản khác	4.365.403	214.339	1.382.646	0	0	2.882.400
Tổng cộng	**98.180.138**	**974.251**	**15.315.364**	**0**	**0**	**89.074.311**

5. Rủi ro hoạt động.

5.1. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động.

VAB đã ban hành các quy chế, chính sách về rủi ro hoạt động (RRHĐ), trong đó đưa ra chiến lược, xác lập các nguyên tắc về quản lý rủi ro, cung cấp các công cụ, đưa ra nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ nhằm ngăn chặn, phòng tránh rủi ro hoạt động, giảm thiểu tổn thất xảy ra. Rủi ro hoạt động luôn được đánh giá là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng.

a. Chiến lược và mục tiêu trong công tác quản lý RRHĐ của Ngân hàng đó là:

- Tạo khuôn khổ cho công tác quản trị RRHĐ tại VAB theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của VAB.

- Xác lập các nguyên tắc, cung cấp các công cụ, hướng dẫn cách xác định, đo lường, đánh giá và các biện pháp ứng xử, giám sát, kiểm soát nhằm ngăn chặn, phòng tránh RRHĐ, giảm thiểu tổn thất (nếu có) và tối ưu hóa lợi nhuận cho Ngân hàng.

- Quy định vai trò, trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong cơ cấu tổ chức và quản trị RRHĐ của Ngân hàng; đưa ra định hướng rõ ràng và cách thức ứng xử giữa các bên trong công tác quản trị RRHĐ.

b. Công tác triển khai, thực thi các chính sách RRHĐ:

- Cơ cấu tổ chức quản trị RRHĐ theo mô hình "Ba tuyến phòng thủ", dựa trên nguyên tắc đảm bảo sự phân tách chức năng kinh doanh với chức năng quản trị rủi ro và chức năng đánh giá độc lập. Trong đó:

+ Tuyến phòng thủ thứ nhất là các Đơn vị kinh doanh, khối kinh doanh trực tiếp có trách nhiệm chủ động nhận diện, đánh giá, có phương án giảm thiểu và quản lý rủi ro, xử lý và báo cáo rủi ro trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ của mình. Trưởng Đơn vị là người chịu trách nhiệm đầu tiên và cao nhất trong việc kiểm soát RRHĐ tại đơn vị.

+ Tuyến phòng thủ thứ hai là Đơn vị quản lý RRHĐ, giám sát tuân thủ, chịu trách nhiệm xây dựng Chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản lý rủi ro, các công cụ và hệ thống đo lường quản trị rủi ro, thiết kế triển khai các chương trình đánh giá RRHĐ, phối hợp với tuyến phòng thủ thứ nhất trong việc thực hiện nhận dạng, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro và thực hiện việc tuân thủ quy định pháp luật.

+ Tuyến phòng thủ thứ ba là Đơn vị kiểm toán nội bộ, chịu trách nhiệm đánh giá độc lập về hiệu quả triển khai công tác quản trị RRHĐ, đánh giá tính tuân thủ, tính thích hợp, mức độ đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Trong năm 2023, VAB đã tích cực triển khai công tác quản lý RRHĐ, cụ thể các hoạt động sau:

+ VAB đã ban hành bổ sung, chỉnh sửa các quy trình/quy định liên quan đến công tác quản lý RRHĐ như: quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân, giám sát thường xuyên, quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, các hướng dẫn nhận diện dấu hiệu nghi ngờ gian lận đối với tài khoản thanh toán, nhận diện và xử lý giao dịch bất thường trên kênh ngân hàng số... nhằm cụ thể hóa việc áp dụng và triển khai chính sách và chiến lược QLRR hoạt động của VAB; tạo khuôn khổ cho công tác quản trị RRHĐ theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế của Ngân hàng. Triển khai công cụ phân tích chỉ số rủi ro chính KRI như: theo dõi, kiểm soát, giám sát mức độ biến thiên của các chỉ tiêu đã thiết lập trong Quy định hạn mức rủi ro hoạt động tại VAB ; báo cáo,

phân tích, đánh giá và có biện pháp kiểm soát kịp thời khi các chỉ tiêu chạm ngưỡng cảnh báo theo quy định.

+ Triển khai công cụ phân tích chỉ số rủi ro chính KRI: Theo dõi, kiểm soát, giám sát mức độ biến thiên của các chỉ tiêu đã thiết lập trong Quy định hạn mức RRHĐ tại VAB; báo cáo, phân tích, đánh giá và có biện pháp kiểm soát kịp thời khi các chỉ tiêu chạm ngưỡng cảnh báo theo quy định.

+ Thực hiện thu thập các sự kiện bất ngờ, dữ liệu tổn thất để kịp thời có biện pháp khắc phục/hạn chế tổn thất có thể xảy ra, đề xuất các biện pháp nhằm ngăn chặn, tránh lặp lại các sự cố tương tự trên toàn hệ thống.

+ Thực hiện công tác giám sát thường xuyên Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống đối với các nghiệp vụ trọng yếu, kịp thời phát hiện các sai phạm, đưa ra các kiến nghị xử lý cán bộ nhân viên sai phạm mang tính răn đe nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, hạn chế vi phạm, ngăn ngừa rủi ro cho hệ thống.

+ Thiết lập và phát triển văn hóa quản lý RRHĐ nhất quán trên toàn hệ thống: triển khai các khóa đào tạo trực tiếp về quản lý RRHĐ trên toàn hệ thống; ban hành các chỉ thị, bảng tin, cảnh báo về RRHĐ nhằm tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và văn hóa quản trị rủi ro, đảm bảo mỗi cán bộ nhân viên của VAB đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về RRHĐ và quản lý RRHĐ.

- Hệ thống hóa chế độ thông tin và các báo cáo về quản lý RRHĐ. Tổng hợp, đánh giá, phân tích nguyên nhân, đưa ra các hành động và đề xuất thay đổi quy trình liên quan để giảm thiểu lỗi trên toàn hệ thống phù hợp với khẩu vị rủi ro mà Ủy ban Quản lý rủi ro và Hội đồng Rủi ro phê duyệt.

5.2. Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục.

- VAB luôn xem việc duy trì hoạt động kinh doanh liên tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc quản lý RRHĐ, với mục tiêu đảm bảo khả năng ứng phó, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng vẫn được duy trì trước các sự cố xảy ra đối với Ngân hàng như : các sự cố về dịch bệnh, thiên tai…

- VAB đã xây dựng quy định quản lý đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, quy trình xử lý sự cố công nghệ thông tin khẩn cấp nhằm ứng phó với sự cố/tình huống gây gián đoạn hoạt động của Ngân hàng, đồng thời truyền thông, nhấn mạnh tới cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống về quy trình báo cáo sự cố nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường công tác phối hợp xử lý sự cố giữa các Phòng/Ban trong trường hợp phát sinh sự cố. Ngoài ra, VAB đã xây dựng các kịch bản ứng phó cụ thể đối với các sự cố khủng hoảng nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng: thiết lập ma trận thông tin xử lý sự cố, lập kịch bản kế hoạch dự phòng về nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin, địa điểm hoạt động để có kế hoạch duy trì hoạt động liên tục một cách hiệu quả.

Bảng 8 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	01/01/2023 đến 30/9/2023	01/01/2022 đến 31/12/2022	01/01/2021 đến 31/12/2021	30/9/2020 đến 31/12/2020	01/01/2023 đến 30/9/2023	01/01/2022 đến 31/12/2022	01/01/2021 đến 31/12/2021	30/9/2020 đến 31/12/2020
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.410.223	5.797.108	5.479.805	1.271.486	6.410.223	5.797.026	5.479.828	1.271.486
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	5.390.203	4.310.779	3.939.111	1.097.434	5.390.174	4.307.489	3.928.521	1.096.330
Cấu phần lãi (IC)	**1.020.020**	**1.486.329**	**1.540.694**	**174.052**	**1.020.049**	**1.489.537**	**1.551.307**	**175.156**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	48.763	68.506	45.829	13.052	75.707	105.667	72.760	21.774
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	25.054	32.744	31.669	5.298	25.130	32.868	31.945	4.933
Thu nhập hoạt động khác	42.871	328.083	236.967	286.611	82.621	364.793	256.069	304.141
Chi phí hoạt động khác	6.302	6.676	6.149	46.398	6.303	6.777	6.149	46.398
Cấu phần dịch vụ (SC)	**122.989**	**436.008**	**320.613**	**351.359**	**189.761**	**510.105**	**366.922**	**377.245**
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.007	9.724	17.293	13.023	3.007	9.724	17.293	13.023
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	-26	-182	63.738	1.310	-26	-182	63.738	1.310
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	167.029	42.273	55.270	6.990	167.029	42.273	55.270	6.990
Cấu phần ngoại hối (FC)	**171.351**	**58.823**	**136.302**	**21.323**	**171.351**	**58.823**	**136.302**	**21.323**
Chi bảo hiểm và tái bảo hiểm tài sản của ngân hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản tài chính không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0

Cấu phần	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	01/01/2023 đến 30/9/2023	01/01/2022 đến 31/12/2022	01/01/2021 đến 31/12/2021	30/9/2020 đến 31/12/2020	01/01/2023 đến 30/9/2023	01/01/2022 đến 31/12/2022	01/01/2021 đến 31/12/2021	30/9/2020 đến 31/12/2020
Lãi/lỗ thuần do ngừng ghi nhận tài sản phi tài chính, nợ phải trả không được đánh giá theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Giá trị âm của lợi thế thương mại đã được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	0	0	0	0	0	0	0	0
Khoản mục bị loại trừ	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Chỉ số kinh doanh (BI)	**1.314.360**	**1.981.160**	**1.997.609**	**546.734**	**1.381.161**	**2.058.465**	**2.054.531**	**573.724**
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	**291.993**				**303.394**			

6. Rủi ro thị trường.

Rủi ro thị trường là một trong những rủi ro trọng yếu của Ngân hàng. Hiện tại tỷ trọng Tài sản có rủi ro thị trường trong tổng Tài sản có rủi ro của Ngân hàng chiếm tỷ lệ khá nhỏ nhưng VAB luôn chú trọng xây dựng, hoàn thiện các chính sách, công cụ theo dõi, kiểm soát, đo lường rủi ro thị trường phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng và tuân thủ các quy định của NHNN và các chuẩn mực về quản lý rủi ro.

Chính sách quản lý rủi ro thị trường.

VAB quy định trạng thái rủi ro thị trường của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa rủi ro thị trường đối với các giao dịch tự doanh phù hợp với định hướng hoạt động từng thời kỳ và diễn biến thị trường để phòng ngừa rủi ro khi có những biến động bất lợi về lãi suất, tỷ giá.

VAB thực hiện theo dõi việc tuân thủ các hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày để đánh giá và thực hiện điều chỉnh (nếu có) các hạn mức phù hợp với diễn biến thị trường, khả năng chịu rủi ro và định hướng kinh doanh của Ngân hàng từng thời kỳ.

Với chiến lược quản lý rủi ro, các phương pháp, công cụ đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro cũng như hệ thống báo cáo nội bộ, công tác quản lý rủi ro thị trường tại VAB được vận hành một cách chặt chẽ và hiệu quả.

Tại thời điểm 31/12/2023, VAB không có vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro quyền chọn do danh mục sổ kinh doanh của Ngân hàng không bao gồm các hoạt động kinh doanh có phát sinh các rủi ro này. Hiện tại, danh mục sổ kinh doanh của VAB có phát sinh rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối (bao gồm vàng), rủi ro ngoại hối bằng 0 tại thời điểm 31/12/2023 do tổng giá trị trạng thái ngoại hối ròng (bao gồm vàng) của VAB nhỏ hơn 2% vốn tự có.

Bảng 9 – Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường

Báo cáo vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường riêng lẻ/hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Khoản mục	Vốn cho rủi ro chung	Vốn cho rủi ro cụ thể	Tổng
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	5.610	0	5.610
Rủi ro lãi suất	5.610	0	5.610
Rủi ro giá cổ phiếu	0	0	0
Rủi ro giá hàng hóa	0	0	0
Rủi ro ngoại hối	0	0	0

Trân trọng báo cáo./.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302763695 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Trọng